

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HC-PT

Ngày: 09/1/2025

V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực thu hồi
đất, bồi thường giải phóng mặt bằng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Hà;

Ông Ong Thân Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thùy Trang, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 445/2024/HC-PT ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 20/2024/HC-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Lưu Văn M, sinh năm 1959; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số I N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Số I P, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

Những người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (ông H1, C vắng mặt, những người đại diện theo ủy quyền khác có mặt).

1. Ông Phạm Hữu C, sinh năm 1957; hiện trú tại: Số A P, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng;

2. Ông Đặng Đình P, sinh năm 1999; hộ khẩu thường trú tại: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình;

3. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1977; hộ khẩu thường trú: Số C N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Số B H, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng;

4. Ông Trần Minh P1, sinh năm 1957; hộ khẩu thường trú: Số A N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Số F đường Đ, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng;

5. Ông Ngô Duy H1, sinh năm 1950; hộ khẩu thường trú: Số D, N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Số A phường Đ, quận L, thành phố Hải Phòng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

- Luật sư Trần Văn H2, Công ty L và Cộng sự thuộc đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Lô A, khu Đ, phường D, quận C, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

- Luật sư Trần Đại P2, Công ty L1 thuộc đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: P, CT4 Khu đô thị M, quận N, thành phố Hà Nội. Có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Lô B, Khu đô thị M, Sân bay C, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Dương Thị Kim P3 sinh năm 1961 (vợ ông Lưu Văn M); đăng ký thường trú: Số I N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Số I P, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

2. Anh Lưu Xuân Đ, sinh năm 1986 vợ là Trần Thị H3, sinh năm 1987; trú tại: Số E, N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

3. Chị Lưu Phương T, sinh năm 1998; trú tại: Số E, N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Lưu Văn M thống nhất trình bày:

Gia đình ông có thửa đất tại địa chỉ số I N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng. Nguồn gốc thửa đất do gia đình nhận chuyển nhượng từ ông Đồng Xuân Đ1 vào năm 1983. Tại Biên bản kiểm kê tài sản và hoa màu thuộc phạm vi

GPMB thi công Quốc lộ 5 lập ngày 08/08/1996, các cơ quan nhà nước như UBND phường L, Ban Quản lý dự án các công trình giao thông công cộng Hải Phòng, Phòng Địa chính quận N cũng đã xác nhận nguồn gốc đất do gia đình nhận chuyển nhượng từ năm 1983 của ông Đồng Xuân Đ1. Năm 1996, khi thực hiện Dự án Đường E nhằm mục đích phát triển hạ tầng giao thông, Nhà nước đã thu hồi một phần diện tích đất của gia đình và các cơ quan chức năng xác định là đất ở, đủ điều kiện bồi thường toàn bộ phần diện tích đất bị thu hồi. Năm 2001, sau khi thực hiện Dự án Đường E, UBND phường L tiến hành đo đạc thực tế hiện trạng sử dụng đất và cấp cho gia đình Biên bản xác định ranh giới và Hồ sơ kỹ thuật thửa đất thể hiện gia đình ông là chủ sử dụng hợp pháp 48,4m² đất ở. Năm 2018, Nhà nước thi công đường cống hộp đã làm nứt vỡ nhà của gia đình, Nhà nước đã bồi thường cho gia đình ông để xây lại căn nhà phía mặt đường đã được thi công theo đúng chỉ giới đã được đo đạc kiểm đếm trước đó. Ngày 13/5/2020, Trung tâm K (thuộc Sở T1) lập Trích lục địa chính số 69/2020-TL. Theo trích lục gia đình ông được ghi nhận sử dụng 52,6m² đất ở.

Như vậy, gia đình đã sử dụng ổn định thửa đất từ trước ngày 15/10/1993, không xảy ra tranh chấp, không có hành vi phạm vi phạm về đất đai, được ghi nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp bởi các cơ quan hành chính Nhà nước qua nhiều thời kỳ. Gia đình ông thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013 và phải được bồi thường đủ 100% giá trị quyền sử dụng đất và vật kiến trúc trên đất với diện tích 52,6m².

Tuy nhiên, trong quá trình thu hồi đất, UBND phường L và UBND quận N đã xác định sai nguồn gốc đất khi cho rằng đất gia đình ông M đang sử dụng là lấn chiếm đất của HTX Đ2 và trừ 50% giá trị quyền sử dụng đất là không có căn cứ. Từ việc xác định sai nguồn gốc đất dẫn đến Chủ tịch UBND quận N xử phạt vi phạm hành chính trái luật.

Các Biên bản vi phạm hành chính do UBND phường L lập và Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính lập các ngày 16/9/2022 và ngày 01/11/2022 là trái quy định pháp luật cả về hình thức và nội dung, cụ thể: Theo Luật Xử lý vi phạm hành chính: Trong quá trình xử lý vi phạm hành chính, việc lập biên bản vi phạm hành chính phải được các cơ quan có thẩm quyền thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ và đều bắt buộc cơ quan có thẩm quyền xử phạt phải làm việc với cá nhân, tổ chức vi phạm. Tuy nhiên, khi UBND phường L tiến hành lập biên bản vi phạm và biên bản xác minh tình tiết vi phạm thì gia đình không hề hay biết, không nhận được bất kỳ thông báo và cũng không hề cho người dân được giải trình. Về nội dung: Các thể hệ gia đình ông M sinh sống tại đây đã

hàng chục năm nhưng chưa bao giờ bị Cơ quan chức năng thông báo hay xử lý về hành vi vi phạm. Những người ký tên vào Biên bản xác minh tình tiết vi phạm hành chính gồm: Bà Nguyễn Thị Ngọc N (Chủ tịch UBND phường), ông Bùi Đức P4 (Công chức Địa chính - Xây dựng), ông Nguyễn Văn N1 (Công chức Địa chính - Xây dựng phường), bà Nguyễn Thị Kim A (Chủ tịch UBMTTQVN) phường, Ông Vũ Xuân S – Tổ trưởng Tổ Dân phố số E phường L). Toàn bộ những người này, tại thời điểm năm 2006 chưa giữ bất cứ chức vụ, quyền hạn nào tại UBND phường L hay Tổ dân phố lại xác nhận vi phạm xây dựng công trình trái phép từ năm 2006. (Trong hồ sơ thể hiện BB số 99/BB-XM ngày 01/11/2022 nhưng trong QĐ số 2560 lại thể hiện BB ngày 16/9/2022).

Đặc biệt, theo Trích lục địa chính số 69/2020- TL do Trung tâm K lập vào ngày 13/5/2020, ông M cho rằng thửa đất của gia đình ông không vi phạm vào chỉ giới xây dựng thể hiện trên trích lục địa chính số 69. Vậy thì UBND phường L căn cứ vào đâu xác định gia đình ông lấn chiếm 4.2m² hành lang mương An Kim H4.

Như vậy, UBND phường L xác lập và ban hành các văn bản không có căn cứ về mặt nội dung và sai qui định về trình tự, thủ tục. Căn cứ vào các Biên bản này, Chủ tịch UBND quận N đã ban hành các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, cưỡng chế đều trái pháp luật: thực tế gia đình sử dụng 52,4m² đất ở nhưng tại phương án bồi thường chỉ ghi nhận 48,4m² gây thiệt hại cho gia đình 4,2m².

Trên thực tế gia đình bị thu hồi đất từ ngày 17/11/2022 nhưng gia đình vẫn chưa được nhận tái định cư nên đề nghị UBND quận N phải chi trả phần hỗ trợ tạm lánh cho đến khi gia đình nhận được bàn giao tái định cư và hỗ trợ thêm 06 tháng kể từ nhận đất theo quy định tại khoản 3 Điều 85 Luật Đất đai “Việc thu hồi đất ở chỉ được thực hiện sau khi hoàn thành xây dựng nhà ở hoặc cơ sở hạ tầng của khu tái định cư”.

Từ các sai phạm trên của UBND quận N, ông Lưu Văn M yêu cầu Tòa án:
+ Hủy Quyết định số 3103/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N về việc thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1);

+ Hủy Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ tại phường L, quận N (kèm theo phương án bồi thường của hộ gia đình ông Lưu Văn M;

+ Hủy Quyết định số 2570/QĐ-KPHQ ngày 07/10/2022 v/v buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND quận N;

+ Hủy Quyết định số 2904/QĐ-SĐBS ngày 02/11/2022 v/v sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND quận N;

+ Hủy Quyết định số 3616/QĐ-CCXP ngày 12/12/2022 v/v cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND quận N;

+ Đề nghị được cấp 01 suất tái định cư lô chính và 01 lô phụ

Quan điểm của người bị kiện: Nguồn gốc đất thu hồi của hộ ông Lưu Văn M nguyên là hồ cá của Hợp tác xã Đ2. Năm 2001, khi đo vẽ thành lập Bản đồ địa chính phường L, ông M sử dụng đất tại thửa 98, tờ bản đồ địa chính LT23, diện tích 48.4m², mục đích sử dụng đất: Làm nhà ở. Năm 2020, lập Trích lục địa chính số 69/2020/TL-1/500 hộ ông Lưu Văn M sử dụng đất tại thửa đất 89, loại đất ở đô thị, diện tích 52,6m². Diện tích biến động tăng 4.2m² so với bản đồ địa chính năm 2001 là do sử dụng ra mương An Kim H4. Căn cứ Điều 74, Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/12/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất, UBND quận N, hộ ông Lưu Văn M đã được bồi thường về đất 1.164.020.000 đồng, bồi thường vật kiến trúc 373.843.715 đồng, bồi thường chi phí di chuyển 5.000.000 đồng, các khoản hỗ trợ 41.000.000 đồng; và về tái định cư giao 01 suất tái định cư. Các quyết định hành chính do UBND và Chủ tịch UBND quận N ban hành đối với gia đình ông Lưu Văn M đã được đảm bảo đúng quy định pháp luật. Vì vậy, đề nghị Tòa án giữ nguyên các quyết định mà UBND quận N và Chủ tịch UBND quận N đã ban hành.

Tại Bản án sơ hành chính sơ thẩm số 20/2024/HC-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 74, Điều 75, Điều 83, khoản 1, khoản 2 Điều 100 Luật Đất đai;

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/12/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 6, Điều 22, Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 27, Điều 28 Pháp lệnh khai thác và bảo vệ các công trình Thủy lợi số 36 ngày 31/8/1994;

Căn cứ điểm c khoản 5 Điều 12 Nghị định số 140/2005/NĐ-CP ngày 11/11/2005 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 6; Điều 28; khoản 2 Điều 65; Điều 85; khoản 3 Điều 18; Điều 70; Điều 86; Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi bổ sung 2020);

Căn cứ Điều 7; điểm b khoản 1 Điều 8; Điều 14 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là ông Lưu Văn M về việc:

- Hủy Quyết định số 3103/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N về việc thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1);

- Hủy Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ tại phường L, quận N (kèm theo phương án bồi thường của hộ gia đình ông Lưu Văn M;

- Hủy Quyết định số 2570/QĐ-KPHQ ngày 07/10/2022 v/v buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND quận N;

- Hủy Quyết định số 2904/QĐ-SĐBS ngày 02/11/2022 v/v sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND quận N;

- Hủy Quyết định số 3616/QĐ-CCXP ngày 12/12/2022 v/v cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND quận N;

- Yêu cầu được cấp thêm 01 suất tái định cư hộ phụ cho gia đình;

- Yêu cầu UBND quận N bồi thường thêm 10% giá trị đất đã thu hồi;

- Yêu cầu UBND quận N hỗ trợ tạm lánh từ khi bàn giao đất cho đến khi nhận tái định cư.

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/3/2024, người khởi kiện ông Lưu Văn M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện: giữ nguyên kháng cáo đề nghị huỷ Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022, rút hết các yêu cầu về các vấn đề khác và các quyết định khác của Chủ tịch UBND quận N Người khởi kiện không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới.

Người bị kiện: vắng mặt, có đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày; không chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: nhất trí với ý kiến người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo trong hạn luật định, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: xét kháng cáo của người khởi kiện, căn cứ vào các ý kiến trình bày của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ, do đó Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 LTTHC, bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo người khởi kiện ông Lưu Văn M được nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về quyền khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện: Người khởi kiện ông Lưu Văn M khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định hành chính số 3103/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N; Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N; Quyết định số 2570/QĐ-KPHQ ngày 07/10/2022 của Chủ tịch UBND quận N; Quyết định số 2904/QĐ-SĐBS ngày 02/11/2022 Chủ tịch UBND quận N; Quyết định số 3616/QĐ-CCXP ngày 12/12/2022 Chủ tịch UBND quận N Yêu cầu được cấp thêm 01 suất tái định cư hộ phụ cho gia đình; yêu cầu bồi thường thêm 10% giá trị đất đã thu hồi; yêu cầu hỗ trợ tiền tạm lánh từ khi bàn giao đất cho đến khi nhận tái định cư. Căn cứ khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; Điều 115; khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Lưu Văn M, ông M kháng cáo toàn bộ bản án, tại phiên tòa, ông M rút các yêu cầu đối với các vấn đề và quyết định khác, chỉ đề nghị xem xét hủy Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N Tuy nhiên, UBND quận N không đồng ý với việc rút yêu cầu khởi kiện, do đó Hội đồng xét xử, xem xét toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M và các quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[2.1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định: Chủ thể ban hành các quyết định hành chính đã đúng về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các Quyết định hành chính số 3103/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N; Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N; Quyết định số 2570/QĐ-KPHQ ngày 07/10/2022 của Chủ tịch UBND quận N; Quyết định số 2904/QĐ-SĐBS ngày 02/11/2022 Chủ tịch UBND quận N; Quyết định số 3616/QĐ-CCXP ngày 12/12/2022 Chủ tịch UBND quận N Nhận định này của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng pháp luật.

[2.2] Về nội dung các quyết định: Hồ sơ xử lý vi phạm hành chính năm 2022 bao gồm: Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 09/8/2022; Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 26/BB-VPHC ngày 09/9/2020 tại số I N, L, N, Hải Phòng; Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính ngày 16/9/2022; Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính ngày 01/11/2022; tại hồ sơ đã xác định hành vi vi phạm: Ông Lưu Văn M xây nhà trên phần diện tích 4.2m² trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc một phần thửa đất số 89, Trích lục địa chính số 69/2020-TL tỷ lệ 1/500 do Trung tâm K lập ngày 13/5/2020 thực hiện Dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật phục vụ Dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (Giai đoạn 1); phần diện tích 4,2m²

nêu trên là đất thuộc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; hộ ông Lưu Văn M đã xây dựng nhà ở 01 tầng trên phần diện tích chiếm là vi phạm quy định tại điểm b khoản 7 Điều 24 Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống thiên tai, thủy lợi, đê điều và theo quy định thì hành vi vi phạm này có mức phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng và buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu. Tuy nhiên, tại Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính và P5 lấy ý kiến khu dân cư lại xác định thời điểm vi phạm hành chính từ thời điểm năm 2006, hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 5 Điều 12 Nghị định số 140/2005/NĐ-CP ngày 11/11/2005 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và xác định đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 140/2005/NĐ-CP ngày 11/11/2005 nên buộc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả “ Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, vật gây cản trở dòng chảy” quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 140/2005/NĐ-CP . Như vậy, UBND quận N xác định hành vi vi phạm tại thời điểm năm 2006 áp dụng điểm c khoản 5 Điều 12, điểm b khoản 7 Điều 12 Nghị định số 140/2005/NĐ-CP ngày 11/11/2006 và xác định buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép mà không xử phạt hành chính (phạt tiền) là có lợi cho người dân.

[2.2.1] Mặt khác hành vi vi phạm của hộ gia đình ông Lưu Văn M đã xuất phát từ những năm 1994, đã bị xử phạt và buộc khắc phục hậu quả. Cụ thể: Theo Biên bản kiểm tra số 41/BBKT ngày 16/4/1994 tại nhà ông Lưu Văn M số 34A/207 Lạch Tray, đoàn kiểm tra đã lập biên bản về việc: Gia đình đã và đang chiếm giữ đất để sử dụng có tổng số diện tích đất 80m², trong đó nhà ở diện tích 18m², công trình phụ 6m², tường xây gạch chỉ 20 cao 4m, lợp tôn proximăng, số nhân khẩu đang ăn ở tại đây 05 người và kết luận: Gia đình ông M chiếm đất, xây nhà trên dải hàng lang kênh A là hoàn toàn sai trái, vi phạm Nghị định số 141-HĐBT ngày 25/4/1991 của Hội đồng Bộ trưởng, Quyết định số 165/QĐ-UB ngày 02-02-1991, Chỉ thị số 07-CT ngày 13-3-91 của UBND thành phố H về quản lý đô thị. Gia đình ông M phải đình chỉ ngay về việc xây dựng, tự tháo dỡ nhà, di chuyển toàn bộ người và tài sản về nơi ở cũ để trả lại mặt bằng cho Sở Thủy lợi quản lý. Thời gian di chuyển chậm nhất vào ngày 30/4/1994. Nếu sau thời hạn trên gia đình không chấp hành nghiêm chỉnh thì bị xử lý và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Tại Biên bản này đại diện gia đình ông M là bà Dương Thị X (em vợ

ông M) có làm việc và ký biên bản và thừa nhận nhà đất đã bị thu hồi để làm đường nên phải lấn vào vi phạm mương An Kim H4.

[2.2.2] Căn cứ vào hành vi vi phạm của hộ ông Lưu Văn M, căn cứ vào đề xuất của UBND phường L, Phòng Tài Nguyên và Môi trường quận N, UBND quận N đã ban hành Quyết định số 2570/QĐ-KPHQ ngày 07/10/2022 v/v buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định số 2904/QĐ-SĐBSHB ngày 02/11/2022 v/v sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính với nội dung được sửa đổi là “Đối với hành vi xây dựng nhà trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Không xử phạt do hết thời hiệu ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 140/2005/NĐ-CP ngày 11/11/2005 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Do hộ ông Lưu Văn M không thực hiện các Quyết định số 2570/QĐ-KPHQ, Quyết định số 2904/QĐ-SĐBSHB nên ngày 12/12/2022, Chủ tịch UBND quận N đã ban hành Quyết định số 3616/QĐ-CCXP v/v cưỡng chế thực buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả nhằm áp dụng biện pháp buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, thời gian thực hiện 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này. Các biên bản, quyết định trong hồ sơ vi phạm hành chính đã được tổng đạt cho gia đình ông Lưu Văn M được thể hiện tại các biên bản giao nhận phù hợp với quy định tại Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

[2.2.3] Nội dung các quyết định nêu trên được ban hành công khai phù hợp với quy định tại Điều 28, khoản 2 Điều 65, Điều 85, khoản 3 Điều 18, Điều 70, Điều 86, Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Điều 14 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

[2.2.4] Theo Bản đồ địa chính năm 2001 của phường L, ông Lưu Văn M đứng tên sử dụng tại thửa đất số 98, tờ bản đồ địa chính LT23 với diện tích 48,8m² nhưng theo Trích lục địa chính số 69/2020/TL-1/500 do Trung tâm K lập ngày 13/5/2020 thì diện tích hộ ông Lưu Văn M sử dụng là 52,6m², có biến động tăng 4,2m². Đối với phần diện tích tăng thêm, UBND phường L, UBND quận N xác định tăng thêm do lấn chiếm ra mương An Kim H4 nhưng gia đình ông Lưu Văn M không chấp nhận. Tại Biên bản xem xét hiện trạng ngày 19/01/2024 của Tòa án thể hiện nội dung: Nhà ông Lưu Văn M thuộc đoạn từ chân cầu vượt Lạch Tray đến ngã tư N, V- nay chính là vỉa hè trồng cây xanh có chiều rộng khoảng 14,75m,

nối giữa vỉa hè trồng cây xanh và cầu vượt L là đường N có chiều rộng khoảng 14,95m, đối diện đường N là đường B có chiều rộng 6m (trước đây chính là nương An Kim H4 đã được làm cống hộp trở thành đường B).

[2.2.5] Theo Trích đo hiện trạng tỷ lệ 1/500 hệ tọa độ VN-2000; Lo = 105 45 khu đất giáp đường N đoạn từ cầu vượt Lạch Tray đến đường V dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ, quận N thuộc địa phận phường L, quận N do Trung tâm Kỹ thuật- Dữ liệu, Thông tin Tài Nguyên và M1 lập ngày 08/9/2022 (hay còn gọi là Bản đồ chồng ghép trên cơ sở các loại bản đồ như: Bản đồ thu hồi thực hiện Dự án đường E, Bản đồ quy hoạch tỷ lệ 1/2000 của UBND quận N năm 2001, Trích lục địa chính số 69/2020 và Bản đồ thực hiện Dự án nương An Kim Hải năm 2017) thể hiện nội dung phần diện tích 4,2m² tăng thêm nhà ông Lưu Văn M là do lấn chiếm ra nương An Kim H4. Đối với tài liệu này, Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố T1 bằng Công văn số 435/STN&MT-VPĐK ĐĐ ngày 29/01/2024 đã xác nhận đảm bảo độ chính xác, trung thực, khách quan vị trí, hình thể, diện tích theo hiện trạng và thể hiện chỉ giới theo bản đồ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 kèm theo Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 11/11/2013 của UBND thành phố.

[2.2.6] Như vậy, UBND phường L, UBND quận N xác định diện tích đất tăng thêm 4.2 m² nhà ông Lưu Văn M do lấn chiếm ra nương An Kim H4 là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với diện tích 48,4 m² đã thu hồi, bên phía người khởi kiện cho rằng không phải nộp nghĩa vụ tài chính 50%, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng (cấp Giấy chứng nhận) cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất đã sử dụng ổn định từ trước ngày 15/10/1993 mà không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013: “ ...2. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất để ở mà tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất đã có một trong các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 22 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, nhưng nay nếu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thì phải nộp 50% tiền sử dụng đất đối với diện tích đất trong hạn mức công nhận đất ở theo giá đất quy định tại Bảng giá đất; nộp 100% tiền sử dụng đất đối với diện tích đất vượt hạn mức công nhận đất ở theo giá đất quy định tại điểm b, điểm c Khoản 3 Điều 3 Nghị định này tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”. Đối chiếu với các quy định pháp luật nêu trên xét thấy trong quá trình sử dụng đất của hộ ông Lưu Văn M thuộc trường hợp “Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất để ở mà tại

thời điểm bắt đầu sử dụng đất đã có một trong các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 22 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, nhưng nay nếu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thì phải nộp 50% tiền sử dụng đất đối với diện tích đất trong hạn mức công nhận đất ở theo giá đất quy định tại Bảng giá đất”. Vì vậy, UBND quận N xác định diện tích đất 48,8m² thu hồi đối với hộ gia đình ông Lưu Văn M phải nộp 50% nghĩa vụ tài chính là có căn cứ.

[2.4] Đối với yêu cầu UBND quận N phải chi trả phần hỗ trợ tạm lánh cho gia đình người khởi kiện từ khi bàn giao đất cho đến khi gia đình nhận được bàn giao tái định cư, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 3 Điều 27 Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng của UBND thành phố H quy định: “Người bị thu hồi đất ở, nhà ở mà không còn chỗ ở nào khác thì trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (bổ trí vào khu tái định cư) được bổ trí vào nhà ở tạm lánh hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở tạm lánh trong thời gian 06 tháng là 30.000.000 đồng/hộ. Quy định tại khoản 3 Điều 7 Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 quy định về hỗ trợ tiền tạm lánh trong thời gian 06 tháng (30.000.000 đồng) là phù hợp với các quy định tại Điều 22, Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, phù hợp với quy định tại Điều 83 Luật Đất đai 2103. Vì vậy, UBND quận N đã hỗ trợ số tiền tạm lánh 30.000.000 đồng trong thời gian 06 tháng cho người khởi kiện là có căn cứ.

[2.5] Đối với yêu cầu bồi thường cộng thêm 10% giá trị đất do thửa đất tiếp giáp hai mặt đường, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại điểm đ khoản 1 Điều 11 Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 31/1/2019 v/v ban hành quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng 05 năm(2020 – 2024) quy định: “Điều 11. Xử lý một số trường hợp cụ thể đối với đất ở, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 1. Đối với đất ở: ...d, Trường hợp thửa đất ở tiếp giáp với hai mặt đường, phố trở lên thì phần diện tích trong phạm vi tuyến 1 của 2 đường, phố cộng thêm 10% mức giá của đường, phố có giá cao hơn, phạm vi tuyến II, III, IV xác định giá đất theo tuyến của từng đường phố có mức giá cao; trường hợp thửa đất mở cổng đi ra cả 2 đường, phố thì xác định theo mức giá của đường, phố được phép mở cổng theo quy hoạch được phê duyệt”. Đối chiếu với quy định pháp luật thì diện tích đất của hộ ông Lưu Văn M không tiếp giáp 02 mặt đường (có diện tích một mặt do lấn chiếm hành lang đường An Kim H4) nên không đủ điều kiện

được cộng thêm 10% mức giá bồi thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của người khởi kiện là có căn cứ.

[2.6] Đối với yêu cầu giao thêm 01 suất tái định cư hộ phụ cho gia đình ông Lưu Văn M, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Báo cáo xác minh của Công an phường L thì trên diện tích đất đã thu hồi có 02 nhân khẩu ăn ở, sinh hoạt trực tiếp tại thời điểm thu hồi đất của nhà ông Lưu Văn M gồm có ông Lưu Văn M và vợ là Dương Thị P3. Đối với các nhân khẩu gồm anh Lưu Xuân Đ, chị Trần Thị H3 và chị Lưu Phương T không ăn ở, sinh hoạt trên đất. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, Hội đồng xét duyệt tái định cư đã giao 01 suất tái định cư hộ chính cho hộ gia đình ông Lưu Văn M là có căn cứ. Vì vậy, yêu cầu của ông Lưu Văn M về việc giao thêm 01 suất tái định cư hộ phụ cho gia đình ông M không có căn cứ để chấp nhận.

[2.7] Từ các phân tích nêu trên, có thể xác định được: Ủy ban nhân dân quận N, Chủ tịch UBND quận N đã thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với gia đình ông Lưu Văn M phù hợp với các quy định pháp luật; quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Lưu Văn M đã được đảm bảo. Đồng thời xét thấy: Việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đã được thực hiện, triển khai xây dựng và đi vào hoạt động đã có những đóng góp tích cực cho việc cải tạo các khu chung cư cũ, xuống cấp để chỉnh trang đô thị văn minh, hiện đại, đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Hải Phòng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ.

[3] Các quyết định khác của Tòa án cấp sơ thẩm đã phù hợp quy định pháp luật.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Người khởi kiện ông Lưu Văn M là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Lưu Văn M. Giữ nguyên toàn bộ quyết định của Bản án án hành chính sơ thẩm số 20/2024/HC-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Lưu Văn M là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tiến

